

TÁI CƠ CẤU KINH TẾ VIỆT NAM

KIM NGỌC *

NGÔ VĂN VŨ **

Tóm tắt: Tái cơ cấu kinh tế đã được xác định tại Đại hội XI của Đảng được cụ thể hóa một bước tại Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; và đã được hoạch định cụ thể tại các Đề án có liên quan của Chính phủ, trong đó có Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020. Đến nay, tái cơ cấu kinh tế Việt Nam được thực hiện hơn 3 năm. Bài viết phân tích thực trạng tái cơ cấu kinh tế Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra định hướng, giải pháp đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế.

Từ khóa: Phát triển kinh tế; tái cơ cấu kinh tế; Việt Nam.

1. Sự cần thiết tái cơ cấu kinh tế

Qua gần 30 năm Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hơn 7%/năm, Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng kém phát triển, vươn lên trở thành nước có thu nhập trung bình thấp. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch phù hợp với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; các ngành công nghiệp và dịch vụ đã chiếm gần 80% tỷ trọng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) vào năm 2010. Các lĩnh vực kinh tế đối ngoại như xuất khẩu, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), xuất khẩu lao động, du lịch... được chú trọng phát triển và có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GDP.

Trong lĩnh vực xã hội, Việt Nam là một trong những quốc gia triển khai hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế gắn với xóa đói giảm nghèo. Tỷ lệ đói nghèo của Việt Nam đã giảm từ

mức hơn 50% vào đầu thập niên 1990 xuống còn gần 12% năm 2011. Việt Nam đã hoàn thành trước thời hạn nhiều Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) và được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những điển hình sử dụng thành công các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức cho các mục tiêu phát triển xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Việt Nam cũng đứng trước nhiều thách thức to lớn trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa 2011 - 2020. Đó là: Thứ nhất, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế (hệ số ICOR của Việt Nam đã tăng từ 6 giai đoạn 2001 - 2005 lên 6,7 giai đoạn 2008 - 2010); theo xếp hạng của ngân hàng thế

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

(**) Tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

giới (WB), chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam đứng thứ 75/139. Điều đó đã hạn chế nhiều đến cơ hội phát triển của Việt Nam. Tại Hội nghị của Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh, ngày 31 tháng 12 năm 2013 tại Hà Nội, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã khẳng định đánh giá của thế giới về năng lực cạnh tranh của Việt Nam “là tiền, là bạc, là cơ hội phát triển”; “Mình được đánh giá tốt thì mình ra ngoài vay vốn dễ hơn, hợp tác cũng tốt hơn. Phải làm sao để các chỉ số đánh giá được cải thiện”. *Thứ hai*, kinh tế Việt Nam vẫn ở trình độ gia công. Cơ cấu kinh tế Việt Nam thay đổi đáng kể với đóng góp lớn của công nghiệp, nhưng cho đến nay, lợi thế của Việt Nam vẫn là lao động giá rẻ. Trong môi trường cạnh tranh ngày nay, lợi thế này đang giảm nhanh chóng. Mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam trở thành nước công nghiệp, song đến nay nhiều ngành trong nền kinh tế vẫn còn ở trình độ lắp ráp, gia công cho nước ngoài. Trong chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu, công nghiệp Việt Nam hiện đứng ở đáy, trong khi đó 70 - 80% giá trị sản phẩm nông nghiệp là nhập ngoại. Tăng trưởng của nền kinh tế đang lệ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài. *Thứ ba*, Việt Nam phải đối phó với một số vấn đề về ổn định kinh tế vĩ mô, đáng chú ý là lạm phát có xu hướng tăng cao trong một số thời điểm nhất định (như năm 2008: 19,87% và năm 2011: 18,13%). *Thứ tư*, tỷ lệ giảm nghèo nhanh nhưng chưa bền vững, khoảng cách giàu - nghèo giữa

các vùng, nhóm dân cư còn lớn; nhiều vùng còn nhiều khó khăn, có vùng còn trên 50% hộ nghèo, cá biệt có vùng còn 60% - 70% hộ nghèo. Tỷ trọng hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm gần 50% tổng số hộ nghèo trong cả nước, thu nhập bình quân của hộ dân tộc thiểu số chỉ bằng 1/6 mức thu nhập bình quân cả nước. *Thứ năm*, khủng hoảng tài chính, kinh tế toàn cầu 2008 - 2009 đã góp phần đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu kinh tế thế giới với những đặc trưng chủ yếu, đó là: (1) Chuyển đổi tư duy phát triển từ chú trọng tốc độ tăng trưởng kinh tế sang tăng trưởng kinh tế bền vững và toàn diện; (2) Chuyển đổi mô hình kinh tế ở cấp độ quốc gia, trong đó ưu tiên các mô hình kinh tế mang tính bền vững và thân thiện với môi trường, ví dụ như kinh tế xanh, các chính sách kinh tế gắn với an sinh xã hội và tạo việc làm; (3) Chuyển dịch các mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị với sự nổi lên của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; (4) Tăng cường các hình thức liên kết kinh tế thế giới và khu vực, chú trọng yếu tố kết nối giữa các nền kinh tế. Xu hướng tái cơ cấu kinh tế thế giới một mặt tạo ra cơ hội to lớn để các nền kinh tế điều chỉnh các chính sách phát triển theo hướng bền vững và tham gia sâu, hiệu quả hơn vào phân công lao động quốc tế. Mặt khác, các nền kinh tế không có khả năng thích nghi với những điều chỉnh sẽ đứng trước nguy cơ tụt hậu.

Từ những đòi hỏi cấp thiết của nền kinh tế và phù hợp với xu hướng tái cơ cấu kinh tế thế giới, Việt Nam đã xác

định tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững là một trong những trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội. Chủ trương này được cụ thể hóa bởi Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 2 năm 2013 cùng với các Đề án chuyên biệt tái cơ cấu một số lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế.

2. Nội dung tái cơ cấu kinh tế

Tái cơ cấu kinh tế là những thay đổi có tính bước ngoặt về cơ chế, chính sách kinh tế để đạt được những mục tiêu kinh tế - xã hội đặt ra; là tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, đặc biệt là cơ cấu ngành, cơ cấu khu vực kinh tế sở hữu hợp lý. Có thể nói, tái cơ cấu nền kinh tế là quá trình Chính phủ chủ động thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ban hành các chính sách về tài chính, tiền tệ, các chính sách về hành chính, kinh tế và sử dụng các công cụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình để tác động tới việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực cần thiết nhằm chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo một xu hướng nhất định, đạt được các mục tiêu đặt ra trong từng giai đoạn phát triển. Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế nhằm mục tiêu: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo lập hệ thống đòn bẩy khuyến khích hợp lý; ổn định và dài hạn, nhất là ưu đãi về thuế và các biện pháp khuyến khích đầu tư khác; thúc đẩy phân bổ và sử dụng nguồn lực xã hội chủ yếu theo cơ chế thị trường vào các ngành, sản phẩm có lợi thế cạnh

tranh; nâng cao năng suất lao động, năng suất các yếu tố tổng hợp và năng lực cạnh tranh; hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý trên cơ sở cải thiện, nâng cấp trình độ phát triển các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế; phát triển các ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, tạo ra giá trị gia tăng cao từng bước thay thế các ngành công nghệ thấp, giá trị gia tăng thấp để trở thành các ngành kinh tế chủ lực.

Nói cách khác, tái cơ cấu kinh tế là quá trình phân bổ lại nguồn lực xã hội theo cơ chế thị trường, qua đó, nguồn lực xã hội sẽ được phân bổ lại hợp lý hơn, được sử dụng có hiệu quả hơn. Sự thay đổi về phân bổ nguồn lực nói trên sẽ từng bước làm thay đổi cách thức tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu và dần nâng cấp trình độ phát triển của nền kinh tế. Bản chất của tái cơ cấu kinh tế là thay đổi hệ thống đòn bẩy khuyến khích, loại bỏ và thay thế các động lực khuyến khích lệch lạc dẫn đến những sai lệch trong phân bổ và sử dụng nguồn lực quốc gia, bằng hệ thống động lực hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kinh tế thị trường phổ biến và giá trị đạo đức xã hội. Ngoài ra, còn nhiều yếu tố khác có tác động đến tái cơ cấu kinh tế, bao gồm môi trường kinh tế vĩ mô, chất lượng kết cấu hạ tầng, và chất lượng nguồn nhân lực.

Tái cơ cấu kinh tế đã được xác định tại Đại hội XI của Đảng, đã được cụ thể hóa một bước tại Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; và đã được hoạch định cụ thể tại các Đề án có liên quan của Chính phủ, trong đó có Đề án

tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 1 năm 2011) chủ trương: “Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; phát triển kinh tế tri thức. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh”. Chủ trương này được cụ thể hóa thông qua 12 giải pháp chủ đạo đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2011 - 2020: (1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; (2) Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh; (3) Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; (4) Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh; (5) Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng,

nhất là hạ tầng giao thông; (6) Phát triển hài hòa, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới; (7) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế; (8) Phát triển mạnh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; (9) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo; (10) Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững; (11) Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; (12) Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trước mắt, trong giai đoạn 2013 - 2015, ưu tiên chính của Chính phủ Việt Nam là thực hiện Đề án tổng thể về tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Quan điểm về tái cơ cấu kinh tế đã được xác định rõ trong Đề án tổng thể của Chính phủ Việt Nam là:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới tư duy, phân định rõ vai trò, chức năng của Nhà nước và thị trường; nâng cao năng lực và hiệu lực quản trị quốc gia, phát huy vai trò kiến tạo và hỗ trợ phát triển của Nhà nước thông qua các cơ chế, chính sách, đòn bẩy kinh tế, giảm thiểu sử dụng các biện pháp can thiệp hành chính.

Thứ hai, kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững; ưu tiên mục tiêu trung và dài hạn, chất lượng tăng trưởng; gắn với kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Thứ ba, thúc đẩy phát huy lợi thế cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế và của các địa phương; coi trọng và phát huy các lợi thế về nông nghiệp, phát triển mạnh kinh tế dịch vụ, du lịch; tiếp tục mở cửa, tích cực và hội nhập quốc tế...

Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế đã xác định năm nội dung hay định hướng chủ yếu của tái cơ cấu kinh tế, bao gồm: (1) Tái cơ cấu thị trường tài chính, trọng tâm là tái cơ cấu các ngân hàng thương mại. Trong giai đoạn 2013 - 2015 các biện pháp tập trung vào lành mạnh hóa tình trạng tài chính của các tổ chức tín dụng, trước hết tập trung xử lý nợ xấu của cả hệ thống các tổ chức tín dụng và từng tổ chức tín dụng, tập trung phát triển các hoạt động kinh doanh chính, bảo đảm khả năng thanh toán, chi trả và phát triển ổn định, bền vững, tập trung xử lý tình trạng sở hữu chéo và tăng tính minh bạch trong hoạt động của các tổ chức tín dụng. Một nội dung quan trọng khác là cơ cấu lại căn bản, triệt để và toàn diện hệ thống các tổ chức tín dụng để đến năm 2020 phát triển được hệ thống các tổ chức tín dụng đa năng theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc với cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô và loại hình... (2) Tái cơ

cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công. Các biện pháp triển khai bao gồm cắt giảm các khoản chi chưa cần thiết, thực hành tiết kiệm; theo đó, sẽ huy động hợp lý các nguồn lực cho đầu tư phát triển, bảo đảm tổng đầu tư xã hội khoảng 30 - 35% GDP, duy trì ở mức hợp lý các cân đối lớn của nền kinh tế như: tiết kiệm, đầu tư và tiêu dùng, ngân sách nhà nước, cán cân thương mại, cán cân thanh toán quốc tế, nợ công và nợ nước ngoài quốc gia... (3) Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN), trọng tâm là tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Thực hiện phân loại, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, tập trung vào các lĩnh vực chính gồm công nghiệp quốc phòng, các ngành, lĩnh vực công nghiệp độc quyền tự nhiên hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và một số ngành công nghiệp nền tảng, công nghệ cao có sức lan tỏa lớn. Đẩy mạnh cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu các doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% sở hữu... Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu, nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân; khuyến khích hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân có tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Do tầm quan trọng đặc biệt của nội dung tái cơ cấu kinh tế, Chính phủ Việt Nam đã yêu cầu các Bộ/ngành, địa phương và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước phải xây dựng chương trình hành động triển khai Đề án tổng thể tái cơ cấu. Đồng thời, bên cạnh Đề án tổng thể,

Chính phủ Việt Nam cũng đã phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước vào tháng 7 năm 2012. (4) Tái cơ cấu ngành kinh tế kỹ thuật và dịch vụ. (5) Tái cơ cấu kinh tế vùng. Các nội dung nói trên của tái cơ cấu kinh tế phải gắn liền và kết nối với nhau, tác động qua lại lẫn nhau thành một hệ thống.

3. Kết quả tái cơ cấu kinh tế

Qua hơn 3 năm thực hiện, tái cơ cấu nền kinh tế nói chung đã mang lại những kết quả tích cực bước đầu với sự ổn định của kinh tế vĩ mô, lạm phát được kiềm chế, chất lượng nền kinh tế có sự chuyển biến tích cực với việc duy trì tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng. Chất lượng, hiệu quả đầu tư phát triển có xu hướng cải thiện. Hệ số ICOR toàn nền kinh tế giảm từ mức 6,7 giai đoạn 2008 - 2010 xuống còn 5,53 giai đoạn 2011 - 2013. Tỷ trọng tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP bình quân giai đoạn 2011 - 2013 thấp hơn giai đoạn 2006 - 2010 (31,5% so với 42,7% GDP).

Tái cơ cấu đầu tư công: đã có các kết quả tích cực. Một số lĩnh vực đã huy động khá mạnh vốn từ khu vực ngoài Nhà nước đầu tư vào các dự án đầu tư công, nhất là các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đã huy động gần 117.000 tỷ đồng, trong đó có 15 dự án xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), xây dựng - chuyển giao (BT) trên Quốc lộ 1 và 3 dự án BOT, BT trên Quốc lộ 14, có 16 dự án theo hình thức BOT và BT trong các lĩnh vực nhiệt điện, nước, hạ tầng đô thị. Phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (NSNN)

tập trung hơn, bố trí vốn trái phiếu chính phủ (TPCP) hằng năm ưu tiên cho các dự án quan trọng, cấp bách và kiên quyết cắt giảm tình trạng dự án lan tràn, thiếu hiệu quả. Vốn bố trí bình quân tăng từ 9,54 tỷ đồng/dự án năm 2012 lên 10,68 tỷ đồng năm 2013 và lên 11,04 tỷ đồng năm 2014.

Tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước: các Bộ/ngành liên quan đã tích cực rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và mô hình thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng quản lý của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp Nhà nước (DNNN). Quá trình tái cơ cấu các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, DNNN đang được đẩy mạnh.

Đối với việc thực hiện tái cơ cấu DNNN, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, trong 3 năm 2011 - 2013, cả nước đã sắp xếp được 180 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa 99 doanh nghiệp với số cổ phần chào bán giá trị gần 19.000 tỷ đồng và sắp xếp theo các hình thức khác 81 doanh nghiệp. Trong 9 tháng đầu năm 2014 đã sắp xếp 92 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa 71 doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp sau tái cơ cấu đã có sự chuyển biến tích cực về năng lực tài chính, khả năng thanh toán nợ, hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả, bảo đảm chỉ tiêu nộp NSNN. Đến nay đã có trên 50 tập đoàn, tổng công ty nhà nước xây dựng Đề án tái cơ cấu, trong đó hơn 30 Đề án đã được phê duyệt. Tiến trình cổ phần hóa, sắp xếp lại các DNNN - một trong những giải pháp chủ đạo tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước - tiếp tục được

chú trọng, theo đó trong giai đoạn 2011 - 2015, sẽ có 899 DNNN thực hiện các hình thức sắp xếp, cổ phần hóa.

Tái cơ cấu ngân hàng: một trong những nội dung được đặc biệt quan tâm là giải quyết nợ xấu của các ngân hàng thương mại. Trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và phù hợp với nhu cầu giải quyết nợ xấu của Việt Nam, Chính phủ đã quyết định thành lập Công ty Quản lý tài sản Việt Nam (VAMC) là định chế có chức năng giải quyết nợ của các tổ chức tín dụng. Đồng thời, nhiều biện pháp đồng bộ khác đã được triển khai, bao gồm rà soát, đánh giá, phân loại các khoản nợ xấu; yêu cầu các tổ chức tín dụng trích lập quỹ dự phòng rủi ro và sử dụng quỹ để xử lý nợ xấu. Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng được triển khai trong tất cả các tổ chức tín dụng (TCTD), an toàn hệ thống các TCTD được bảo đảm và khả năng chi trả của các TCTD được cải thiện. Hiện đã phê duyệt 8/9 phương án cơ cấu lại của các ngân hàng thương mại (NHTM) cổ phần yếu kém. Xử lý nợ xấu NHTM đạt được nhiều kết quả ban đầu, từ năm 2012 đến tháng 8 năm 2014, toàn hệ thống đã xử lý được 214.000 tỷ đồng nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu của hệ thống năm 2012: 4,08% tổng dư nợ, năm 2013: 3,61%, đến tháng 8/2014: 3,9%. Ngoài ra, còn có 316.200 tỷ đồng giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tính đến cuối tháng 9 năm 2014, VAMC đã mua nợ xấu với tổng nợ gốc là 82.800 tỷ đồng từ các TCTD, bán được 1.400 tỷ đồng nợ xấu.

Những kết quả trên đây cho thấy tiến

trình tái cơ cấu kinh tế tại Việt Nam bước đầu được triển khai tương đối “suôn sẻ”, không gây ra những “xáo trộn” về ổn định kinh tế vĩ mô.

4. Một số hạn chế

Bên cạnh những thành tựu trên đây, quá trình tái cơ cấu kinh tế còn một số hạn chế:

Thứ nhất, trong quá trình tái cơ cấu đầu tư công, việc bội chi ngân sách ở mức cao, mức trả nợ công vượt ngưỡng 25% là thách thức lớn cho việc triển khai đầu tư công thời gian tới. Hệ thống chính sách thu hút nguồn lực từ khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài tham gia vào khu vực công chưa đủ mạnh. Tình trạng đầu tư dàn trải, chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư, chất lượng công trình thấp chưa được xử lý triệt để. Theo Báo cáo của Chính phủ, tổng số nợ xây dựng cơ bản đến tháng 6 năm 2014 là 44.594 tỷ đồng của 18.376 dự án, trong đó của địa phương chiếm 87% tổng số nợ xây dựng cơ bản.

Thứ hai, tiến độ thực hiện tái cơ cấu các DNNN chậm so với yêu cầu, chưa có chuyển biến về phân bổ lại nguồn lực và phương thức quản trị doanh nghiệp hiện đại, nhất là việc sắp xếp, cổ phần hóa các DNNN có tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Nhà nước tại các doanh nghiệp trên 51% vốn điều lệ, không thuộc diện Nhà nước cần chi phối. Tiến độ thoái vốn còn chậm so với yêu cầu, một số khoản đầu tư thua lỗ nên khó thu hút được các nhà đầu tư.

Thứ ba, các giải pháp hỗ trợ tái cơ cấu TCTD, xử lý nợ xấu chưa được triển khai đồng bộ, thiếu sự phối hợp chặt

chế, đặc biệt là các giải pháp tái cơ cấu DNNN và đầu tư công gắn với tái cơ cấu TCTD. Sở hữu chéo, đầu tư chéo trong hệ thống TCTD thiếu minh bạch, vốn điều lệ ở một số NHTM cổ phần không phản ánh đúng thực chất, nguy cơ chi phối, thao túng hoạt động ngân hàng. Các giải pháp vừa qua về sắp xếp, chấn chỉnh trong hệ thống ngân hàng chưa có sự thay đổi lớn về chất, chưa có sự tham gia của các NHTM lớn, có tiềm lực tài chính mạnh trong quá trình tái cơ cấu các ngân hàng nhỏ, yếu kém.

5. Giải pháp đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, tiến trình tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững sẽ tiếp tục được triển khai trong thời gian tới. Các ý kiến trên diễn đàn Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII nhấn mạnh đề nghị kiên trì thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 để đến năm 2015 bảo đảm hoàn thành cơ bản cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng phát triển nhanh và bền vững, hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội.

5.1. Thực hiện quyết liệt và đồng bộ các biện pháp tái cơ cấu trong cả ba lĩnh vực tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu tài chính - ngân hàng và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, do ba lĩnh vực này có sự gắn kết và phụ thuộc chặt chẽ lẫn nhau. Đặc biệt, tái cơ cấu doanh nghiệp

nhà nước được đánh giá là nội dung cần được đặc biệt chú trọng do vai trò của các doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế và hiệu quả mà tiến trình này có thể mang lại đối với các lĩnh vực tái cơ cấu còn lại.

Đối với từng chủ trương tái cơ cấu, cần xây dựng, triển khai các đề án cụ thể và hệ thống chính sách khuyến khích thu hút đầu tư tư nhân phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội có sinh lời thay dần cho đầu tư công, quy định mức tối thiểu giá trị dự án, công trình phải kêu gọi đầu tư từ thành phần ngoài Nhà nước, trường hợp các nhà đầu tư ngoài Nhà nước không tham gia thì mới thực hiện đầu tư công. Nghiên cứu hoàn thiện các hình thức hợp tác công tư (PPP). Xây dựng đề án sử dụng nguồn vốn thu được từ quá trình cổ phần hóa DNNN đầu tư cho một số dự án, công trình cấp bách để giảm gánh nặng nợ công. Xử lý dứt điểm các TCTD yếu kém, tiếp tục thực hiện các giải pháp giảm nợ xấu và đến cuối năm 2015 còn dưới 3% trong tổng dư nợ. Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế hoạt động cho Công ty quản lý tài sản của TCTD. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với TCTD, giám sát chặt chẽ, thực chất sở hữu chéo, đầu tư chéo để xử lý kịp thời các vi phạm và ngăn chặn rủi ro phát sinh

5.2. Gắn kết hài hòa giữa tái cơ cấu kinh tế với các biện pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nói cách khác là giữa chủ trương, biện pháp tái cơ cấu kinh tế với các chính sách liên quan đến chuyển đổi mô hình tăng trưởng, ví dụ như

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời, tiến trình tái cơ cấu kinh tế cần gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện ba khâu đột phá chiến lược giai đoạn 2011 - 2020 là: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn kết với phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ; và xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và đô thị lớn.

5.3. Gắn kết giữa tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng với tích cực và chủ động hội nhập quốc tế, do hội nhập quốc tế có thể đóng vai trò tích cực giúp thu hút nguồn lực (vốn, công nghệ, tri thức...) cho tái cơ cấu kinh tế. Đồng thời, tái cơ cấu kinh tế hiệu quả sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, từ đó tạo cơ sở thuận lợi cho hội nhập quốc tế. Sau gần 30 năm Đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong hội nhập quốc tế, bao gồm thiết lập quan hệ thương mại - đầu tư với hơn 200 nước và vùng lãnh thổ; trở thành thành viên của nhiều diễn đàn hợp tác khu vực và quốc tế quan trọng như các cơ chế tiểu vùng Mê Kông, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), hợp tác Đông Á, Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Hợp tác Á Âu (ASEM), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)... đồng thời đang tích cực tham

gia tiến trình đàm phán nhiều Hiệp định Thương mại tự do quan trọng như Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP); Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EU)... Đây là cơ sở quan trọng cho việc tăng cường sự gắn kết giữa hội nhập quốc tế với tái cơ cấu kinh tế trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Ủy ban Kinh tế của Quốc hội (2014), *Báo cáo kinh tế vĩ mô 2014: Cải cách thể chế kinh tế: Chìa khóa cho tái cơ cấu*.
3. Quyết định số 339/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ: *Phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020*.
4. Nguyễn Đình Cung, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, *Tái cơ cấu kinh tế: Một vài quan sát về kết quả và vấn đề*, www.rcv.gov.vn.
5. Kim Ngọc (2014), “Quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 8.
6. Vụ Tổng hợp kinh tế, Bộ Ngoại giao, *Tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững tại Việt Nam*, www.mofahcm.gov.vn.
7. Thời báo kinh tế Việt Nam (2013), “*Kinh tế 2013 - 2014 - Việt Nam và Thế giới*”.
8. <http://baodientu.chinhphu.vn/Tin-noi-bat/Ket-qua-tai-co-cau-3-linh-vuc-trong-diem-cua-nen-kinh-te/212520.vgp>

